

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 8.8.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 6 - LE4.22

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H62624850200000001	PHUNG THI THU TRANG	女	1984-10-10	001184049229	LE4.22	
2	H62624850200000002	NGUYEN THI THO	女	1991-06-07	001191011506	LE4.22	
3	H62624850200000003	DUONG THI THU HUYEN	女	2003-07-20	001303016525	LE4.22	
4	H62624850200000004	LE NGOC DIEP	女	2007-06-05	001307043408	LE4.22	
5	H62624850200000005	NGUYEN PHUC VAN	女	2009-09-26	002309010117	LE4.22	
6	H62624850200000006	VU DUC MINH	男	2005-09-10	004205003785	LE4.22	
7	H62624850200000007	NGUYEN LAN TRINH	女	2000-08-29	015300002635	LE4.22	
8	H62624850200000008	LA THI TIEP	女	1991-08-08	019191007825	LE4.22	
9	H62624850200000009	LA THI THU HIEN	女	2002-11-17	019302009260	LE4.22	
10	H62624850200000010	NGUYEN HONG HANH	女	2005-07-26	019305001071	LE4.22	
11	H62624850200000011	DANG NGOC MINH	女	2005-01-16	019305002557	LE4.22	
12	H62624850200000012	NONG HUYEN CHI	女	2005-05-29	020305000548	LE4.22	
13	H62624850200000013	TRAN YEN CHI	女	2006-09-25	020306003642	LE4.22	
14	H62624850200000014	DO DIEU QUYNH	女	2000-06-27	022300009691	LE4.22	
15	H62624850200000015	NGUYEN THI NHU QUYNH	女	2005-02-19	022305001868	LE4.22	
16	H62624850200000016	NGUYEN THI THUY DUONG	女	2003-10-19	024303001536	LE4.22	
17	H62624850200000017	NGUYEN LE MINH NGOC	女	2005-07-30	024305001891	LE4.22	
18	H62624850200000018	DO THI THANH NGUYET	女	2005-06-12	025305011146	LE4.22	
19	H62624850200000019	NGUYEN THI THU HUONG	女	2001-07-31	026301004087	LE4.22	
20	H62624850200000020	NGUYEN NHU QUYNH	女	2005-04-21	026305007364	LE4.22	
21	H62624850200000021	DANG NGUYEN CONG QUANG	男	2007-12-23	027207001121	LE4.22	
22	H62624850200000022	NGUYEN PHUONG THUY	女	2003-11-11	027303009577	LE4.22	
23	H62624850200000023	NGUYEN THI HUONG	女	2009-02-19	027309000477	LE4.22	
24	H62624850200000024	PHAN THI HOA	女	2005-11-27	030305011821	LE4.22	
25	H62624850200000025	PHAM THANH THUY	女	2005-07-13	030305013817	LE4.22	
26	H62624850200000026	NGUYEN THI NGAN HA	女	2007-11-03	030307004061	LE4.22	
27	H62624850200000027	TU HANG GIAI	女	2010-12-03	031310010058	LE4.22	
28	H62624850200000028	CHU THI THU THAO	女	2002-09-02	036302006298	LE4.22	
29	H62624850200000029	BUI THI HUYEN TRANG	女	2004-07-11	036304007949	LE4.22	
30	H62624850200000030	NGUYEN KHANH VY	女	2008-03-02	036308000163	LE4.22	
31	H62624850200000031	NGUYEN CAM TU	女	2008-03-02	036308000185	LE4.22	
32	H62624850200000032	BUI THU HUYEN	女	2009-06-18	038309002024	LE4.22	
33	H62624850200000033	HOANG THI LAI	女	1998-01-16	040198000149	LE4.22	
34	H62624850200000034	VO THI HOAI THUONG	女	2004-09-10	040304022428	LE4.22	
35	H62624850200000035	NGUYEN THI BAO NGOC	女	2006-11-04	042306006400	LE4.22	
36	H62624850200000036	VORRANWAN SUKHSANCHAOEN	女	2001-07-15	AD0765657	LE4.22	
37	H62624850200000037	DINH THI NGUYET	女	1989-11-25	030189011723	LE4.22	